

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

---o0o---

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2018

V/v: "Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

---***---

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Bích Ân;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Phan Thị Thu;**

Bà **Trần Thị Xuân Hiệp;**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Anh Liêm;** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Được,** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Tuyết L; Sinh năm 1986; Trú tại: Thôn 03, xã S, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn D; Sinh năm 1981; Trú tại: Thôn 01, xã Q, huyện H, tỉnh Q (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 được bổ sung tại bản khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết L trình bày:

Chị và anh Trần Văn D chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến ngày 23/3/2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Q. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2016 đến nay anh D không quan tâm, lo lắng cho vợ, con. Nhiều lần anh D có hành vi đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà. Thời gian chung sống, anh D đã ba lần đi cải tạo do có hành vi vi phạm pháp luật. Chị đã khuyên bảo, tha thứ nhiều lần nhưng anh D vẫn

không thay đổi. Do đó, chị đã dẫn các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Kể từ đó, vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung tên là Trần Thị Tuyết M; Sinh ngày 09/01/2007; Trần Văn S; Sinh ngày 29/5/2008; Trần Văn K; Sinh ngày 31/5/2010. Từ lúc chị dẫn các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh D không nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cũng như không chu cấp cùng chị nuôi dưỡng các cháu. Hiện nay, các cháu đang sinh sống cùng chị nên chị mong muốn nhận nuôi dưỡng các cháu đến khi đủ 18 tuổi. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh D cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị L chỉ yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Khi ly hôn, chị và anh D tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2018, bị đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị L về điều kiện kết hôn, vấn đề con chung cũng như tài sản chung. Anh thừa nhận có hành vi đánh đập chị L, nguyên nhân là do chị L có quan hệ ngoại tình với người khác. Tuy nhiên, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con. Trường hợp ly hôn, anh D thống nhất giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức:

+ Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt anh D

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh D; Về con chung: Giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng, buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Trần Văn D có nơi cư trú tại thôn 01, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Căn cứ vào Điều

28 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn D cố tình trốn tránh, Tòa án không thể tiến hành giao các văn bản tố tụng nên đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D không tham gia các phiên hòa giải, tại phiên tòa ngày 11/6/2018 anh D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Đến nay, anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết L và anh Trần Văn D có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2015 ngày 23/3/2015. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có hành vi đánh đập và đuổi chị L ra khỏi nhà. Do đó, chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của mình sinh sống. Từ thời điểm đó đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân. Hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh D nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Tuy nhiên, theo trình bày của anh D, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L ngoại tình với người khác nên anh đã đánh đập chị L. Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị L, anh D có ba con chung tên là: Trần Thị Tuyết M; Sinh ngày 09/01/2007; Trần Văn S; Sinh ngày 29/5/2008; Trần Văn K; Sinh ngày 31/5/2010. Từ khi chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay, chị đã dẫn các con chung đi cùng, anh D vẫn không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc, chu cấp cùng chị nuôi dưỡng các con chung. Hiện nay, các con chung đang có cuộc sống ổn định cùng chị L. Do đó, việc giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Hiện nay anh D có cuộc sống tự do, có thể tạo ra thu nhập nên cần buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cùng chị L nuôi các con chung. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu lớn nhất sinh năm 2007, cháu nhỏ nhất sinh năm 2010. Xem xét nhu cầu thực tế của các cháu, mức cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L, buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị Trần Thị Tuyết L được chấp nhận nên chị L phải chịu toàn bộ án phí; Yêu cầu về cấp dưỡng của chị L được chấp nhận nên anh D phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết L đối với anh Trần Văn D, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Tuyết M; Sinh ngày 09/01/2007; Trần Văn S; Sinh ngày 29/5/2008; Trần Văn K; Sinh ngày 31/5/2010 cho chị Trần Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Buộc anh Trần Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu án phí HNGĐ-ST về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012842 ngày 26/02/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Chị L đã nộp đủ án phí. Anh Trần Văn D phải chịu án phí HNGĐ-ST về cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày trồn kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H Hiệp Đức;
- THADS H. Hiệp Đức;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Bích Ân